

13:18 G10-8-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10											
Round 8											
Date 2026.6.8											
Board 1											
WHITE Fu Yimao						FED CHN					
BLACK Xu Yutong						FED CHN					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f6	Bf2	21	Ke4	Bg3	41	Kh3	Bf2	61		
2	Kg4	Bg3	22	Ke4	Be1	42	Kg4	Bg3	62		
3	Kf1	Bd5	23	Kf5	Kf8	43	Kg5	Bf2	63		
4	f7	Bg3	24	Kf6	Bf2	44	Kf6	Bd4	64		
5	Kg4	Bf2	25	Kg5	Bf2	45	Ke6	Bf2	65		
6	Kf5	Bd3	26	Kg4	Bg3	46	Bd5	Bg3	66		
7	Ke4	Bf2	27	Kf3	Be1	47	Bc4	Bf2	67		
8	Kd3	Bg3	28	Ke2	Bg3	48	Be2	Bg3	68		
9	Ke2	Bf4	29	Rc4	Bd6	49	Kg5	Kf7	69		
10	Ke1	Bg3	30	Bd3	Bg3	50	Kg4	Kg7	70		
11	Kf1	Kf2	31	Ka2	Bf4	51	Bf3	Kf8	71		
12	Bd3		32	Kf2	Bg3	52	Kf6	Kg5	72		
13	Ke3	Be1	33	Kf3	Bd1	53	Bd5	Kh8	73		
14	Bd5	Bg3	34	Kg4	Bg3	54	Kg6	Bf2	74		
15	Ke3	Be1	35	Be1	Bf2	55	Nb6		75		
16	Ke2	Bg3	36	Kd3	Bg3	56			76		
17	Bg6	Kg7	37	Rc4	Bf2	57			77		
18	Kd3	Bd6	38	Bb3	Bg3	58			78		
19	Bd5	Kh6	39	Be2	Bf2	59			79		
20	Bf3	Kg7	40	Kh2	Bg3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Fu Yimao			Xu Yutong			Su					

13:18 G10-8-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10											
Round 8											
Date 2026.6.8											
Board 1											
WHITE Fu Yimao						FED CHN					
BLACK Xu Yutong						FED CHN					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f4	Nf6	21	Rc1	Bd4	41	Ke4	Bg5	61	Bd6	Be1
2	c4	g6	22	Bd4	g5	42	h4	Bh4	62	Ke2	Bg3
3	Nc3	d5	23	Bd6	Qd6	43	Kf4	Kc5	63	Bg5	Ke5
4	Nh3	Bg7	24	Qd6	Bd6	44	Kg4	Bd7	64	Kd3	Kf6
5	Qd3	c6	25	Qd6	Bd8	45	Kf5	Kd6	65	Kc4	Bf2
6	d	d	26	Rc8	Rc6	46	Bf7	Bf8	66	Kg5	Bd7
7	B5	c6	27	Bc8	Kf8	47	Kf6	Ke7	67	Bf2	Kc4
8	Q3	g-o	28	h4	Ke6	48	Bd6	Bd6	68	Bg3	Qd3
9	Bd3	Nc6	29	b5	Kd6	49	Bd5	Kd6	69	Bf2	Kd2
10	h3	a6	30	Bd7	Kc7	50	Ke6	Bg3	70	Bg3	Ke2
11	0-0	b5	31	g6	c5	51	Kf6	h5	71	Ke7	Be6
12	Rac1	Bd7	32	f5	Kf2	52	Kf5	h4	72	Kf6	Kf1
13	Nc5	Bd1	33	h6	Ke2	53	f4	Ke7	73	Ke7	
14	Alf	Nc6	34	Kf6	Kd3	54	f5	Kf8	74	Ke2	Kf6
15	Rc6	Bd4	35	Q5	de	55	Be4	Bf2	75	Kf3	Be1
16	Qd7	c4	36	Be5	Bd7	56	Kf4	Ke7	76	Kg4	Bg3
17		h4	37	Bg7	Be6	57	Kf3	Bg3	77	Bd6	Be1
18	Nh4	Ke4	38	Kb5	Bd5	58	Kg4	Kf8	78	Bd7	Bg3
19	f3	Nh6	39	Be6	f4	59	Bd5	Bf2	79	Bg6	Kg7
20	Rc6	Rc6	40	ef	g4	60	Kc2	Bg3	80	Ke5	Kf8
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Fu Yimao			Xu Yutong			Su					

13:18 G10-8-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10											
Round 8											
Date 8.28											
Board 1											
WHITE Fu Yimao						FED CHN					
BLACK Xu Yutong						FED CHN					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h8	Nh6	21	Rc1	Bd4	41	Ke4	Bg5	61	Be6	Be1
2	c4	g6	22	Bd4	g5	42	h4	Bh4	62	Ke2	Bg3
3	Nc3	d5	23	Bd6	Qd6	43	Kf4	Kc5	63	Bg5	Ke5
4	Nh3	Bg7	24	Qd6	Bd6	44	Kg4	Bd7	64	Kd3	Kf6
5	Qd3	c6	25	Qd6	Bd8	45	Kf5	Kd6	65	Kc4	Bf2
6	d	d	26	Rc8	Rc6	46	Bf7	Bf8	66	Kg5	Bd7
7	B5	c6	27	Bc8	Kf8	47	Kf6	Ke7	67	Bf2	Kc4
8	Q3	g-o	28	h4	Ke6	48	Bd6	Bd6	68	Bg3	Qd3
9	Bd3	Nc6	29	b5	Kd6	49	Bd5	Kd6	69	Bf2	Kd2
10	h3	a6	30	Bd7	Kc7	50	Ke6	Bg3	70	Bg3	Ke2
11	0-0	b5	31	g6	c5	51	Kf6	h5	71	Ke7	Be6
12	Rac1	Bd7	32	f5	Kf2	52	Kf5	h4	72	Kf6	Kf1
13	Nc5	Bd1	33	h6	Ke2	53	f4	Ke7	73	Ke7	
14	Alf	Nc6	34	Kf6	Kd3	54	f5	Kf8	74	Ke2	Kf6
15	Rc6	Bd4	35	Q5	de	55	Be4	Bf2	75	Kf3	Be1
16	Qd7	c4	36	Be5	Bd7	56	Kf4	Ke7	76	Kg4	Bg3
17		h4	37	Bg7	Be6	57	Kf3	Bg3	77	Bd6	Be1
18	Nh4	Ke4	38	Kb5	Bd5	58	Kg4	Kf8	78	Bd7	Bg3
19	f3	Nh6	39	Be6	f4	59	Bd5	Bf2	79	Bg6	Kg7
20	Rc6	Rc6	40	ef	g4	60	Kc2	Bg3	80	Ke5	Kf8
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Fu Yimao			Xu Yutong			Su					

13:18 G10-8-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10											
Round 8											
Date 8.26											
Board 1											
WHITE Fu Yimao						FED CHN					
BLACK Xu Yutong						FED CHN					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f6	Bf2	21	Bd5	Bg3	41	Kh3	Bd2	61		
2	Kg4	Bg3	22	Ke4	Be1	42	Kg4	Bg3	62		
3	Kf1	Bd5	23	Kf5	Kf8	43	Kg5	Bf2	63		
4	f7	Bg3	24	Kf6	Bf2	44	Kf6	Bd4	64		
5	Kg4	Bf2	25	Kg5	Bf2	45	Ke6	Bf2	65		
6	Kf5	Bd3	26	Kg4	Bg3	46	Bd5	Bg3	66		
7	Ke4	Bf2	27	Kf3	Be1	47	Bc4	Bf2	67		
8	Kd3	Bg3	28	Ke2	Bg3	48	Be2	Bg3	68		
9	Ke2	Bf4	29	Rc4	Bd6	49	Kg5	Kf7	69		
10	Ke1	Bg3	30	Bd3	Bg3	50	Kg4	Kg7	70		
11	Kf1	Kf2	31	Ka2	Bf4	51	Bf3	Kf8	71		
12	Bd3		32	Kf2	Bg3	52	Kf6	Kg5	72		
13	Ke3	Be1	33	Kf3	Bd1	53	Bd5	Kh8	73		
14	Bd5	Bg3	34	Kg4	Bg3	54	Kg6	Bf2	74		
15	Ke3	Be1	35	Be1	Bf2	55	Nb6		75		
16	Ke2	Bg3	36	Kd3	Bg3	56			76		
17	Bg6	Kg7	37	Rc4	Bf2	57			77		
18	Kd3	Bd6	38	Bb3	Bg3	58			78		
19	Bd5	Kh6	39	Be2	Bf2	59			79		
20	Bf3	Kg7	40	Kh2	Bg3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Fu Yimao			Xu Yutong			Su					

12:21 G10-8-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



28/8/26

Group	G10
Round	8
Date	28/8/26
Time	2

WHITE: Nusaybah Annayla												FED	MAS	RESULT(W)	0
BLACK: Tselmuun Tuvshinbayar												FED	MGL	RESULT(B)	1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Rxc1	b5	41	Bc3	Bxg3	61						
2	c3	d5	22	Nc3	Nb7	42	Ra1	Bxb2	62						
3	exd5	Qxd5	23	Bf3	Qh4	43	Ra6	Nc4	63						
4	d4	Nc6	24	g3	Qxd4	44	Kd5	Nf5	64						
5	Nf3	Nf6	25	Bc3	Qf6	45	Bc5	Rf3	65						
6	Be2	cxd4	26	Bc4	B4	46	Kc2	Bf6	66						
7	cxd4	Bf5	27	Qc2	h6	47	Rxe6	Rc3	67						
8	Nc3	Qd8	28	Qd3	Qe7	48	Kb1	Rxc5	68						
9	Q3	e6	29	f3	Ne5	49	Re8	Kf7	69						
10	O-O	Be7	30	Qe2	Bh5	50	Rb8	Nb4	70						
11	Qa4	O-O	31	g4	Bb6	51	Rb7	Kg6	71						
12	Rd1	a6	32	Bf2	f5	52	Rb6	Nd9	72						
13	Ne5	Qc7	33	Bb1	fg4	53	h4	Rc1	73						
14	Qc4	Bb6	34	fxg4	Bxb1	54	Ka2	Rc4	74						
15	Bf4	Ra4	35	Rxb1	Qa5	55	Kb3	Rb4	75						
16	Ra1	Qb1	36	h3	Qf4	56	Ka3	Kh7	76						
17	Na4	Qa6	37	Nc4	Nf3	57	Rd6	Be7	77						
18	Bd2	Qd8	38	Kf1	Qc7	58	g5	Bxg6	78						
19	Nc6	Rxd6	39	Qxe4	Nd2	59			79						
20	Qb3	Rxc1	40	Ke2	Nxe4	60			80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

12:21 G10-8-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



28/8/26

Group	G10
Round	8
Date	28/8/26
Time	2

WHITE: Zaidani, Nusaybah Annayla												FED	MAS	RESULT(W)	0
BLACK: Tselmuun Tuvshinbayar												FED	MGL	RESULT(B)	1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c5	21	Rc1	b5	41	Be3	Bb3	61						
2	c3	d5	22	Nc3	Nb7	42	Ra1	Bb2	62						
3	exd5	Qxd5	23	Bf3	Qh4	43	Ra6	Nc4	63						
4	d4	Nc6	24	g3	Qd4	44	Kd5	Nf5	64						
5	Nf3	Nf6	25	Bc3	Qf6	45	Bc5	Rf3	65						
6	Be2	cxd4	26	Bc4	B4	46	Kc2	Bf6	66						
7	cxd4	Bf5	27	Qc2	h6	47	Rxe6	Rc3	67						
8	Nc3	Qd8	28	Qd3	Qe7	48	Kb1	Rxc5	68						
9	Q3	e6	29	f3	Ne5	49	Re8	Kf7	69						
10	O-O	Be7	30	Qe2	Bh5	50	Rb8	Nb4	70						
11	Qa4	O-O	31	g4	Bb6	51	Rb7	Kg6	71						
12	Rd1	a6	32	Bf2	f5	52	Rb6	Nd9	72						
13	Ne5	Qc7	33	Bb1	fg4	53	h4	Rc1	73						
14	Qc4	Bb6	34	fxg4	Bxb1	54	Ka2	Rc4	74						
15	Bf4	Ra4	35	Rxb1	Qa5	55	Kb3	Rb4	75						
16	Ra1	Qb1	36	h3	Qf4	56	Ka3	Kh7	76						
17	Na4	Qa6	37	Nc4	Nf3	57	Rd6	Be7	77						
18	Bd2	Qd8	38	Kf1	Qc7	58	g5	Bxg6	78						
19	Nc6	Rxd6	39	Qxe4	Nd2	59			79						
20	Qb3	Rxc1	40	Ke2	Nxe4	60			80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

12:46 G10-8-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
Aug, 28, 2026Group
G10Round
8Board
3

WHITE Norman Bayangkhuu						FED MGL		RESULT (W) 1/2			
BLACK Empress Anita B. Cook						FED PHI		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Qc2	Qb6	41	Ng5	Pf6	61		
2	d4	Nf6	22	h4	Nf8	42	Re1	Qe7	62		
3	Nc3	g6	23	Rf3	Nb6	43	Qe1	Pf7	63		
4	f4	Bg7	24	Qd2	Qa5	44	Qxf1	Rf1	64		
5	Nf3	Ch	25	Rh3	Nc7	45	h2	RF6	65		
6	Bb5	Bd7	26	F5	Qe5	46	h4	Q5	66		
7	Bxd7	Nfxd7	27	RF1	Qg7	47	Nb6	RF6	67		
8	Re3	Nc6	28	Fxg6	Fxg6	48	Nc8	Nf5	68		
9	Qd2	cd4	29	Nb2	RF8	49	RF4	h7	69		
10	Nd4	Nb6	30	Rcl	Nb6	50	Nb6	Nc3	70		
11	B3	O-O	31	Nq3	RF6	51	g3	Rf4	71		
12	O-O	Rg5	32	Rh4	Rf8	52	g4	dxc4	72		
13	Rad1	g6	33	Rg4	h4	53	Nc4	Nxd4	73		
14	Nb2	Nd7	34	h3	Qf7	54	b4	h6	74		
15	Ch	Nc5	35	Qc3	Qd7	55	Ng3	h5	75		
16	Nc3	Qa5	36	Qc1	Qf7	56	h3	h5	76		
17	Nxd6	b6	37	Qd1	Ng7	57	g3	g5	77		
18	Bd4	Bd4	38	Q5	Rc6	58	Rg5	h4	78		
19	Qd4	Nb6	39	cd6	cd6	59	h3	h4	79		
20	Qd3	Nc5	40	Nd4	Qe7	60	h3	h5	80		
SIGNATURE (WHITE) Norman Bayangkhuu			SIGNATURE (BLACK) Empress Anita B. Cook			SIGNATURE (ARBITER) Su					

12:46 G10-8-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.28Group
G10Round
8Board
3

WHITE Norman Bayangkhuu						FED MGL			RESULT (W) 1/2		
BLACK Anita, Empress Anita						FED PHI			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Qd2	Qb6	41	Ng5	Rf6	61		
2	d4	Nf6	22	h4	Qb8	42	Re1	Qd1	62		
3	Nc3	g6	23	Rf3	Nb6	43	Qe1	Rf1	63		
4	f4	Bg2	24	Qd1	Qa5	44	Qf1	Rf1	64		
5	Nf3	c5	25	Rf3	Nc2	45	h2	Rf5	65		
6	Bb5	Bd7	26	f5	Qb5	46	Nc4	Qd5	66		
7	Bd2	Nb7	27	Rf1	Qd7	47	Nb6	Rf6	67		
8	Rc3	Nb6	28	f4	f5	48	Nc2	Nf5	68		
9	Qd2	cd	29	Nc2	Rf8	49	Rf4	h7	69		
10	Nd4	Nb6	30	Rf1	Nb6	50	Nb6	Nc5	70		
11	b3	O-O	31	Ng3	Rf6	51	g3	Rf5	71		
12	O-O	Qd2	32	Rf5	Qb8	52	g4	dc	72		
13	Rd4	g6	33	Rb5	h7	53	Nc4	Nc4	73		
14	Nb2	Nb7	34	h7	Qd7	54	b1	h6	74		
15	c4	Nc5	35	Qc3	Qd2	55	h3	Nc5	75		
16	Nc3	Qd5	36	Qd1	Qd7	56	h3	h5	76		
17	Nb6	h6	37	Qd1	Ng7	57	g3	g5	77		
18	Bd4	Bd4	38	e5	Rf6	58	f5	h5	78		
19	Qd4	Nb6	39	Qd1	h4	59	h3	h5	79		
20	Qd3	Nc5	40	Nb4	Qd7	60	h3	h5	80		
SIGNATURE (WHITE) Norman Bayangkhuu			SIGNATURE (BLACK) Anita, Empress Anita			SIGNATURE (ARBITER) Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.28

Group
G10
Round
8
Board
9

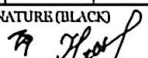
WHITE						FED		RESULT (W)			
Kim Jungba						KOR		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Gerelt-Oyu Tsogtgerel						MGL		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rc2	d5	41	Kf4	h2	61		
2	Nf3	d6	22	Nd4	g6	42	Qg6	h1=R#	62		
3	d4	xd	23	Qb6	Nc6	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Bc4	dc	44			64		
5	Nc6	a6	25	Be5	Nd4	45			65		
6	Be3	e5	26	Rc3	Ne7	46			66		
7	Nb3	Ne6	27	Kf1	Nc3	47			67		
8	Be2	g7	28	bc	Rd8	48			68		
9	O-O	Nc6	29	Be3	Nd3	49			69		
10	Rd2	O-O	30	Bd5	Rc3	50			70		
11	Rfd1	b5	31	Kh2	Rb3	51			71		
12	a3	Rc8	32	Be3	c3	52			72		
13	Rac1	Qc7	33	Kg3	c2	53			73		
14	Nd5	Ne4	34	Kb2	Re3	54			74		
15	Nc7	Nd7	35	fe	M=Q	55			75		
16	Na6	Nb3	36	eh	g5	56			76		
17	cb	Rb3	37	g4	Qf1	57			77		
18	Rd2	Na5	38	gh	gh	58			78		
19	Rc8	Rc8	39	gs	h3	59			79		
20	h3	Bd4	40	kg3	Qh2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]						[Signature]		[Signature]			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.28

Group
G10
Round
8
Board
4

WHITE Kim, Jungba						FED KOR		RESULT (W)			
BLACK ~~Gerelt~~ Gerelt-Oyu, Tsogtgerel						FED MGL		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rc2	d5	41	g6	h1=R#	61		
2	Nf3	d6	22	Nb4	Bxb4	42			62		
3	d4	Cxd4	23	axb4	Nc6	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	Bxc4	dxc4	44			64		
5	Nc3	a6	25	Nd4	Rc3	45			65		
6	Be3	e5	26	Ne2+	Kh1	46			66		
7	Nb3	Be6	27	Nxc3	Bxc3	47			67		
8	Be2	Be7	28	Rd8	Be3	48			68		
9	O-O	Nc6	29	Rd3	Bxf5	49			69		
10	Qd2	O-O	30	Rxc3	Kh2	50			70		
11	Rfd1	b5	31	Rb3	Be3	51			71		
12	a3	Rc8	32	kg3	c2	52			72		
13	Rac1	Qc7	33	Kh2	Rxe3	53			73		
14	Nd5	Nxe4	34	fxf3	cl=Q	54			74		
15	Nxc7	Nxd2	35	e4	g5	55			75		
16	Nxa6	Nxb3	36	g4	Qf1	56			76		
17	Cxb3	Bxb3	37	h4	gxf4	57			77		
18	Rd2	Na5	38	g5	h3	58			78		
19	Rxc8	Rxc8	39	Kg3	Qg2+	59			79		
20	h3	Bc4	40	Kh4	h2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

11:08 G10-8-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.28

Group	G10
Round	8
Board	5

WHITE Peng, Lixiao Sonia						FED HKG		RESULT (W)			
BLACK Zhao, Meiyin						FED CHN		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nd4	Bh2	41	Kb3	Rxc3+	61		
2	d4	d5	22	f3	Bxg1	42	Kb2	Rxh3	62		
3	Nd2	de	23	Kxg1	Qd6	43			63		
4	Nxe4	Nd7	24	Rd1	Qg3+	44			64		
5	Nf3	N9f6	25	Qg2	Qxg2+	45			65		
6	Nxf6+	Nxf6	26	Kxg2	Kf8	46			66		
7	Be3	Bd6	27	Kg3	Ke7	47			67		
8	Bd3	O-O	28	Be4	Bd5	48			68		
9	Qe2	ab	29	Kf4	Bxe4	49			69		
10	a4	bb	30	Kxe4	Rac8	50			70		
11	h3	Bb7	31	f4	g6	51			71		
12	Rg1	h6	32	f5	ef	52			72		
13	g4	Nd5	33	g5	g5	53			73		
14	Bd2	Nf4	34	Rf1	Rc4	54			74		
15	Bxf4	Bxf4	35	Re1	Kf6	55			75		
16	c3	Qe7	36	Ra1	Re8+	56			76		
17	Kd1	c5	37	Kd3	Rc5	57			77		
18	Ke1	Rfd8	38	b4	Rc5	58			78		
19	dc	Qxc5	39	Rh3	Re3+	59			79		
20	Kf1	Bd5	40	Kc4	Re8+	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Zhao, Meiyin								

11:08 G10-8-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026/8/28

Group	G10
Round	8
Board	5

WHITE						FED				Hong Kong		RESULT (W)	
BLACK						FED				China		0	
Peng, Lixiao Sonia												RESULT (B)	
Zhao, Meiyin												1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	Nd4	Bh2	41	Kb3	Rxc3+	61				
2	d4	d5	22	f3	Bxg1	42	Kb2	Rxh3	62				
3	Nd2	dxe4	23	Kxg1	Qd3	43			63				
4	Nxe4	Nd7	24	Rd1	Qg3+	44			64				
5	Nf3	N9f6	25	Qg2	Qxg2+	45			65				
6	Nxf6	Nxf6	26	Kxg2	Kf8	46			66				
7	Be3	Bd6	27	Kg3	Ke7	47			67				
8	Bd3	O-O	28	Bd4	Bd5	48			68				
9	Qe2	a6	29	Kf4	Bxe4	49			69				
10	a4	b6	30	Kxe4	Rc8	50			70				
11	h3	Bb7	31	f4	g6	51			71				
12	Rg1	h6	32	f5	exf5+	52			72				
13	g4	Nd5	33	gxf5	g5	53			73				
14	Bd2	Nf4	34	Rf1	Rc4	54			74				
15	Bxf4	Bxf4	35	Re1	Kf6	55			75				
16	c3	Qe7	36	Ra1	Re8+	56			76				
17	Kd1	c5	37	Kd3	Rc5	57			77				
18	Ke1	Rfd8	38	b4	Rc5	58			78				
19	dxc5	Qxc5	39	Rh1	Re3+	59			79				
20	Ke1	Bd5	40	Kc4	Re8+	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
			Zhao, Meiyin										

11:23 G10-8-6
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28 Aug 6

Group G-10
Round 8
Board 6

WHITE Chae W (1456)						FED SGP			RESULT (W) 0		
BLACK H. Nijaling Nijaling (1607)						FED MGL			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Kh2	Ng5	41			61		
2	c4	e6	22	Be2	Nxh3	42			62		
3	Nf3	b6	23	~~Qf3~~	~~Qd8~~	43			63		
4	Q3	Bb7	24	~~Ba1~~	~~Bb1~~	44			64		
5	Nc3	d6	25	Qd1	a5	45			65		
6	Qc2	Na7	26	Bf4	exd4	46			66		
7	e4	f6	27	Ne2	Nf3	47			67		
8	d5	e5	28	Kg2	Bxg4	48			68		
9	Bb3	Be7	29	Nf4	Qf6	49			69		
10	h3	Nf8	30	Na3	B	50			70		
11	Be3	Ng6	31	~~Bd4~~	Kf4	51			71		
12	g3	Bc8	32	Qg5	kg3	52			72		
13	Kf1	Bd7	33	K2	~~Kf2~~	53			73		
14	Kg2	Qe8	34	~~Kf2~~	Nd2	54			74		
15	Na2	h5	35	Qd1	Qb6	55			75		
16	f3	f4	36	~~Qd1~~	~~Nxc4~~	56			76		
17	g4	Nh7	37			57			77		
18	g4	Bg5	38			58			78		
19	Bd2	Bd5	39			59			79		
20	Qd2	Nf4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

11:23 G10-8-6
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28 Aug 6

Group G10
Round 8
Board 6

WHITE Lee, Chloe Ling Eh						FED SGP			RESULT (W) 0		
BLACK H. Nijaling						FED MGL			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Kh2	Ng5	41			61		
2	c4	e6	22	Be2	Nxh3	42			62		
3	Nf3	b6	23	Be3	Qd8	43			63		
4	Q3	Bb7	24	Bf1	Ng5	44			64		
5	Nc3	d6	25	Qd1	a5	45			65		
6	Qc2	Na7	26	Bf4	exd4	46			66		
7	e4	f6	27	Ne2	Nf3	47			67		
8	d5	e5	28	Kg2	Bg4	48			68		
9	Bb3	Be7	29	Nf4	Qf6	49			69		
10	h3	Nf8	30	Na3	B	50			70		
11	Be3	Ng6	31	Kg3	Qh4	51			71		
12	g3	Bc8	32	Kf4	Qg5	52			72		
13	Kf1	Bd7	33	Kf3	h2	53			73		
14	Kg2	Qe8	34	Kf2	Nd2	54			74		
15	Na2	h5	35	Qe1	Bf6	55			75		
16	f3	h4	36	Kc3	Nc4	56			76		
17	g4	Nh7	37			57			77		
18	g4	Bg5	38			58			78		
19	Bf2	Bd5	39			59			79		
20	Qd2	Nf4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

11:15 G10-8-7
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
G10
Round
8
Date
2026.8.28
Board
7

WHITE: Pan Yitong												FED	CHN	RESULT (W)
BLACK: Wang Shiyu												FED	CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	erb1	Qc2	41	Kd3	b2	61	e7	R98			
2	Nf3	d6	22	Rc1	Qd3	42	Kc2	Ke6	62	R98	R98			
3	Bb5	Bd7	23	Qe4	Qe4	43	Bf2	Rb7	63	Bc5	Kc7			
4	Bd7	Nd7	24	Ne4	Ba1	44	Kd4	Ra6	64	Bb4	Kd7			
5	c3	Nf6	25	Ra1	Rd5	45	Bb2	Rab6	65	Ke5	R93			
6	Qc2	e5	26	Ba7	Ra8	46	h3	Rf7	66	h4	Rh3			
7	O-O	Be1	27	Bc5	Re5	47	Kd3	Rf6	67	Kf6	Rh4			
8	Re1	O-O	28	f3	f5	48	Kc2	Rc6	68	Ba6	Re4			
9	d4	cd	29	Bd4	Rd5	49	Kd3	Rd7	69	Be5	Ke8			
10	cd	Rc8	30	Bg7	fe	50	Bd4	Ra6	70	Kf5	Re1			
11	Qd3	h6	31	fe	Ra6	51	Rb4	Ra2	71	Bf6	h5			
12	Nc3	Qb6	32	e5	Re6	52	Ke4	Re2	72	Kg6	Re6			
13	Nd5	Nd5	33	Bf6	b5	53	Kf3	Rd2	73	Kf5	Rf6			
14	ed	Bf6	34	Kf2	4b5	54	Ke4	Rg2	74	Kg5	Rh6			
15	de	de	35	Rb1	Ra2	55	Rb6	Ke7	75	Kh4	Ke7			
16	Qf5	Rf8	36	Kf3	Rb6	56	Bc5	Ke8	76	Kh3	h4			
17	Qd7	e4	37	Kp4	Kf7	57	Re6	Kd8	77	Kg2	h3			
18	Be3	Qb2	38	Kf5	Rf2	58	Bb6	Kc8	78	Kf2	h2			
19	Nd2	Rd8	39	Ke4	b3	59	Re8	Kb7	79	Ke3	h1=Q			
20	Qf5	Bc3	40	Bh4	Ra2	60	e7	Ra9	80	Kd4	Re6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Pan Yitong				Wang Shiyu				Su						

11:15 G10-8-7
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
G10
Round
8
Date
2026.8.28
Board
7

WHITE: Pan Yitong												FED	CHN	RESULT (W)
BLACK: Wang Shiyu												FED	CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	Kc4	Rd6	21			41			61					
2	Kb4	Rc6	22			42			62					
3	Ka5	Qb1	23			43			63					
4	Ka4	Rab#	24			44			64					
5	O-1		25			45			65					
6			26			46			66					
7			27			47			67					
8			28			48			68					
9			29			49			69					
10			30			50			70					
11			31			51			71					
12			32			52			72					
13			33			53			73					
14			34			54			74					
15			35			55			75					
16			36			56			76					
17			37			57			77					
18			38			58			78					
19			39			59			79					
20			40			60			80					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Pan Yitong				Wang Shiyu				Su						

11:15 G10-8-7
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
G10
Round
8
Date
2026.8.28
Board
7

WHITE: Pan Yitong												FED	CHN	RESULT (W)
BLACK: Wang Shiyu												FED	CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	Reb1	Qc2	41	Kd3	b2	61	e7	R98			
2	Nf3	d6	22	Rc1	Qd3	42	Kc2	Ke6	62	R98	R98			
3	Bb5	Bd7	23	Qe4	Qe4	43	Bf2	Rb7	63	Bc5	Kc7			
4	Bd7	Nd7	24	Ne4	Ba1	44	Bd4	Ra6	64	Bb4	Ke7			
5	c3	Nf6	25	Ra1	Rd5	45	Bb2	Rb6	65	Ke5	R93			
6	Qc7	e5	26	Ba7	Ra8	46	h3	Rf7	66	h4	Rh3			
7	O-O	NBe7	27	Bc5	Re5	47	Kd3	Rf6	67	Kf6	Rh4			
8	Re1	O-O	28	f3	f5	48	Kc2	Rc6	68	Ba6	Re4			
9	d4	cd	29	Bd4	Rd5	49	Kd3	Rd7	69	Be5	Ke8			
10	cd	Rc8	30	Bg7	fe	50	Bd4	Ra6	70	Kf5	Re1			
11	Qd3	h6	31	fe	Ra6	51	Rb4	Ra2	71	Bf6	h5			
12	Nc3	Qb6	32	e5	Re6	52	Ke4	Re2	72	Kg6	Rd6			
13	Nd5	Nd5	33	Bf6	b5	53	Kf3	Rd2	73	Kf5	Rf6			
14	ed	Bf6	34	Kf2	b4	54	Ke4	Rg2	74	Kg5	Rh6			
15	de	de	35	Rb1	Ra2	55	Rb6	Ke7	75	Kh4	Ke7			
16	Qf5	Rf8	36	Kf3	Rb6	56	Bc5	Ke8	76	Kh3	h4			
17	Qd7	e4	37	Kf4	Kf7	57	Re6	Kd8	77	Kg2	h3			
18	Be3	Qb2	38	Kf5	Rf2	58	Bb6	Kc8	78	Kf2	h2			
19	Nd2	Rd8	39	Ke4	b3	59	Re8	Kb7	79	Ke3	h1=Q			
20	Qf5	Bc3	40	Bh4	Ra2	60	e6	Rg7	80	Kd4	Re6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Pan Yitong				Wang Shiyu				Su						

11:15 G10-8-7
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
G10
Round
8
Date
2026.8.28
Board
7

WHITE: Pan Yitong												FED	CHN	RESULT (W)
BLACK: Wang Shiyu												FED	CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	Ke4	Rd6	21			41			61					
2	Kb4	Rc6	22			42			62					
3	Ka5	Qb1	23			43			63					
4	Ka4	Ra6	24			44			64					
5			25			45			65					
6			26			46			66					
7			27			47			67					
8			28			48			68					
9			29			49			69					
10			30			50			70					
11			31			51			71					
12			32			52			72					
13			33			53			73					
14			34			54			74					
15			35			55			75					
16			36			56			76					
17			37			57			77					
18			38			58			78					
19			39			59			79					
20			40			60			80					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Pan Yitong				Wang Shiyu				Su						

11:02 G10-8-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group	G10
Round	8
Board	8

WHITE Peng, Litan Elena						FED HKG 1440		RESULT (W) 1			
BLACK Kim, Yeonsoo						FED KOR 1522		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e6.	21	Bh3.	Bg6.	41	d5.	h5.	61		
2	d4.	d5.	22	Qc3.	Ba1.	42	Nat4.	h4.	62		
3	exd5.	exd5.	23	Ra1.	Nf6.	43	b6.	Ke8.	63		
4	Nf3.	Nf6.	24	Ra1.	Qd8.	44	d6.	h3.	64		
5	Bd3.	Bd6.	25	Qe8.	Qxe8.	45	Ne5.	g5.	65		
6	O-O.	O-O.	26	Qe3.	Qe3.	46	Bxf5+	Kb8.	66		
7	Bg5.	Bg4.	27	fxe3.	Bh5.	47	d7.	h2+	67		
8	Nbd2.	Nbd7.	28	Ne5.	Bg6.	48	Khl.	ka5.	68		
9	c4.	c6.	29	Nxb6.	Ne8.	49	d8=Q#		69		
10	c5.	Be7.	30	Ne7+	Kf8.	50			70		
11	Qc7.	h6.	31	Nxd5.	Bd3.	51			71		
12	Bh4.	Bh5.	32	c6.	Bd4.	52			72		
13	b4.	a6.	33	Nxd7.	bxd7.	53			73		
14	a4.	b5.	34	c7.	Nxc7.	54			74		
15	axb5.	axb5.	35	Nxc7.	g6.	55			75		
16	h3.	Re8.	36	Bf1.	c7.	56			76		
17	g4.	Nxg4.	37	Bd3.	f5.	57			77		
18	Bxe7.	Qxe7.	38	b5.	Ke7.	58			78		
19	Nxg3.	Bxg4.	39	Nd5.	Kd6.	59			79		
20	Bf5.	Bh5.	40	Nxb6.	Kc7.	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Elena Peng			SIGNATURE (BLACK) Kim, Yeonsoo			SIGNATURE (ARBITER) Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date August 28th

Group	G10
Round	8
Board	8

WHITE Peng, Litan Elena						FED HKG				RESULT (W) 1	
BLACK Kim, Yeonsoo.						FED KOR				RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bh3	Bg6	41	Qd5	h5	61		
2	Bxd4	Qxd5	22	Qc3	Rxa1	42	Nb4	h4	62		
3	exd5	exd5	23	Ra1	Nf6	43	bvt	Kc8	63		
4	Nf3	Nf6	24	Re1	Qd6	44	d6	h3	64		
5	Bd3	Bd6	25	Rxe8+	Qxe8	45	Nc5	g5	65		
6	O-O	O-O	26	Qc3	Qxe3	46	Bxf5+	Kb8	66		
7	Bxe8	Bg4	27	fxe3	Bh5	47	d7	h2+	67		
8	Nbd2	Nbd7	28	Ne5	Bg6	48	Kh1	Ka8	68		
9	c4	c6	29	Nxb6	Ne8	49	d8=Q#		69		
10	c5	Be7	30	Ne7+	Kf8	50			70		
11	Qc2	h6	31	Nxd5	Bd3	51			71		
12	Bh4	Bh5	32	c6	Bd4	52			72		
13	b4	a6	33	Nxc4	bxc4	53			73		
14	a4	b5	34	c7	Nxc7	54			74		
15	axb5	axb5	35	Nxc7	g6	55			75		
16	h3	Re8	36	Bf1	c5	56			76		
17	g4	Nxg4	37	Bd3	f5	57			77		
18	Bxe7	Qxe7	38	b5	Ke7	58			78		
19	Nxg4	Bxg4	39	Nd5+	Ke6	59			79		
20	Bf5	Bh5	40	Nxb6	Kc7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Elena Peng			SIGNATURE (BLACK) Kim, Yeonsoo			SIGNATURE (ARBITER) Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28

Group G10
Round 8
Board 9

WHITE Wang, Jin (HEB)						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Zhang, Jing-Jie						FED TPE			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rc4	f6	41	Rh6	Kg5	61		
2	d4	d5	22	Rxc5	fe	42	Rb6	Kf4	62		
3	Nc3	de	23	Rxc5	Kf6	43	Neb	Ke4	63		
4	Nxe4	Bf5	24	Rde1	Rfe8	44	Nxf8	Rxa2	64		
5	Nc3	Nf6	25	Nd5	Kf7	45	Rb6	Ra4	65		
6	Nf3	eb	26	Nf4	Rec8	46	Kh2	Kd3	66		
7	Bc4	Nbd7	27	c3	Rc4	47	Rhcb	Ke2	67		
8	O-O	Bd6	28	Nxe6	Kg6	48	f3	Kf2	68		
9	h3	h6	29	Nd4	Rf8	49	Ng6	Rg1	69		
10	Be3	O-O	30	Re6	Kg6	50	Nh4	Rd1	70		
11	Bd3	Bd3	31	Re7	Rb8	51	b4	Rb7	71		
12	Qxd3	c5	32	Rle5	a5	52	c4	Ke3	72		
13	Rad1	cd	33	Rxst	Kg6	53	Rd6	Rc3	73		
14	Bxd4	Nc5	34	Rxa5	b6	54	c5	Rc4	74		
15	Bxf6	gf	35	Rb5	Rc5	55	c6	Rd4	75		
16	Qxd6	Qxd6	36	Kxb7	Kg5	56	c7	Rc4	76		
17	Rxd6	Kg7	37	Rxb6	Rf8	57	Rd6	Rd4	77		
18	Rc4	f5	38	Rxb6	Re5	58	c8		78		
19	Ne5	Rad8	39	Rhe6	Ra5	59			79		
20	Rfd1	Rd6	40	Rhg6	Kh5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wang Jin			Zhang Jing-Jie			Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8, 28

Group G10
Round 8
Board 9

WHITE Wang Jin (Heb)						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Zhang, Jing-Jie						FED TPE			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rc4	f6	41	Rh6	Kg5	61		
2	d4	d5	22	Rxc5	fe	42	Rb6	Kf4	62		
3	Nc3	de	23	Rxc5	Kf6	43	Neb	Ke4	63		
4	Nxe4	Bf5	24	Rde1	Rfe8	44	Nxf8	Rxa2	64		
5	Nc3	Nf6	25	Nd5	Kf7	45	Rb6	Ra4	65		
6	Nf3	eb	26	Nf4	Rec8	46	Kh2	Kd3	66		
7	Bc4	Nbd7	27	c3	Rc4	47	Rcb	Ke2	67		
8	O-O	Bd6	28	Nxe6	Kg6	48	f3	Kf2	68		
9	h3	h6	29	Nd4	Rf8	49	Ng6	Rg1	69		
10	Be3	O-O	30	Re6	Kg6	50	Nh4	Rd1	70		
11	Bd3	Bd3	31	Re7	Rb8	51	b4	Rb7	71		
12	Qxd3	c5	32	Rle5	a5	52	c4	Ke3	72		
13	Rad1	cd	33	Rf5	Kg6	53	Rd6	Rc3	73		
14	Bxd4	Nc5	34	Ra5	b6	54	c5	Rc4	74		
15	Bf6	gf	35	Rb5	Rc5	55	c6	Rd4	75		
16	Qxd6	Qxd6	36	Kxb7	Kg5	56	c7	Rc4	76		
17	Rxd6	Kg7	37	Rxb6	Rf8	57	Rd6	Rd4	77		
18	Rc4	f5	38	Rxb6	Re5	58	c8		78		
19	Ne5	Rad8	39	Rhe6	Ra5	59			79		
20	Rfd1	Rd6	40	Rhg6	Kh5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wang Jin			Zhang Jing-Jie			Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G10
Round 8
Date 8/28 FRI
Board 10

WHITE: Wu, Yixuan										FED CHN										RESULT (V) 0									
BLACK: Kikuchi, Saya										FED JPN										RESULT (M) 1									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	a4	db	21	Rd7	Rc8	41	Kg3	Bd3	61	Kc3	Rb2	81	Kd2	Rb2	101	Kd2	Rb2	121	Kd2	Rb2	141	Kd2	Rb2	161	Kd2	Rb2	181	Kd2	Rb2
2	d4	Nf6	22	g4	Bb5	42	h4	Rd7	62	Kf4	Rd7	82	Kf4	Rd7	102	Kf4	Rd7	122	Kf4	Rd7	142	Kf4	Rd7	162	Kf4	Rd7	182	Kf4	Rd7
3	Nc6	g6	23	g5	Kf7	43	Kf4	Rh1	63	Rd4	Ra3	83	Rd4	Ra3	103	Rd4	Ra3	123	Rd4	Ra3	143	Rd4	Ra3	163	Rd4	Ra3	183	Rd4	Ra3
4	Nf3	Bg7	24	g6	Ke8	44	Kg5	Rh3	64	Rxg6	Rxg5	84	Rxg6	Rxg5	104	Rxg6	Rxg5	124	Rxg6	Rxg5	144	Rxg6	Rxg5	164	Rxg6	Rxg5	184	Rxg6	Rxg5
5	Ba2	O-O	25	fxd7	Rc7	45	Kg4	Bf5+	65	b6+	Kb7	85	b6+	Kb7	105	b6+	Kb7	125	b6+	Kb7	145	b6+	Kb7	165	b6+	Kb7	185	b6+	Kb7
6	O-O	e5	26	Bxc7	Kxc7	46	Kf4	Rxh7	66	f4	Bf5+	86	f4	Bf5+	106	f4	Bf5+	126	f4	Bf5+	146	f4	Bf5+	166	f4	Bf5+	186	f4	Bf5+
7	h3	Rc8	27	Bb4+	Kf6	47	Ke3	Ra4	67	Kd4	Bxg6	87	Kd4	Bxg6	107	Kd4	Bxg6	127	Kd4	Bxg6	147	Kd4	Bxg6	167	Kd4	Bxg6	187	Kd4	Bxg6
8	Bd3	Nah	28	Rd4	Re8	48	Bb4	a5	68	Ke3	Kxb6	88	Ke3	Kxb6	108	Ke3	Kxb6	128	Ke3	Kxb6	148	Ke3	Kxb6	168	Ke3	Kxb6	188	Ke3	Kxb6
9	Ba7	ds	29	Bc3	Kf5	49	Bc5	Ra4	69	Rd3	Kc6	89	Rd3	Kc6	109	Rd3	Kc6	129	Rd3	Kc6	149	Rd3	Kc6	169	Rd3	Kc6	189	Rd3	Kc6
10	Rc1	dxc4	30	Rd7	Rc2	50	Bd4	Kd5	70	Kg4	Kd6	90	Kg4	Kd6	110	Kg4	Kd6	130	Kg4	Kd6	150	Kg4	Kd6	170	Kg4	Kd6	190	Kg4	Kd6
11	Nxa9	axd4	31	Rf7	Ke6	51	Ra7	Rc4	71	Kf3	Ke6	91	Kf3	Ke6	111	Kf3	Ke6	131	Kf3	Ke6	151	Kf3	Ke6	171	Kf3	Ke6	191	Kf3	Ke6
12	Nd4	Nc4	32	Rxh7	Rxh2	52	Rxh7	a5	72	Kg4	Ra4	92	Kg4	Ra4	112	Kg4	Ra4	132	Kg4	Ra4	152	Kg4	Ra4	172	Kg4	Ra4	192	Kg4	Ra4
13	Nxc6	Nxb6	33	Rxc7	Rc1+	53	b4	Rd3+	73	Kg5	Bc2	93	Kg5	Bc2	113	Kg5	Bc2	133	Kg5	Bc2	153	Kg5	Bc2	173	Kg5	Bc2	193	Kg5	Bc2
14	Bxa4	Qxd1	34	Kg2	ab	54	Ke2	Kc6	74	Kg4	Kf6	94	Kg4	Kf6	114	Kg4	Kf6	134	Kg4	Kf6	154	Kg4	Kf6	174	Kg4	Kf6	194	Kg4	Kf6
15	Raxd1	Rxc9	35	Rg7	Bd3	55	Rxc5	Kb6	75	Kf3	Kf5	95	Kf3	Kf5	115	Kf3	Kf5	135	Kf3	Kf5	155	Kf3	Kf5	175	Kf3	Kf5	195	Kf3	Kf5
16	Rd8	Bf8	36	Kf3	Rh1	56	a4	Rb3	76	Ke3	Rxc4	96	Ke3	Rxc4	116	Ke3	Rxc4	136	Ke3	Rxc4	156	Ke3	Rxc4	176	Ke3	Rxc4	196	Ke3	Rxc4
17	Rd1	Kg7	37	Kg3	Bc4	57	a5+	Ka6	77	Kd2	Bc4	97	Kd2	Bc4	117	Kd2	Bc4	137	Kd2	Bc4	157	Kd2	Bc4	177	Kd2	Bc4	197	Kd2	Bc4
18	Bd4	f6	38	f6	Bd3	58	Rc6+	Kb7	78	Ke3	Ke5	98	Ke3	Ke5	118	Ke3	Ke5	138	Ke3	Ke5	158	Ke3	Ke5	178	Ke3	Ke5	198	Ke3	Ke5
19	Bc3	Be7	39	Kg2	Ra1	59	Rb6+	Ka7	79	Kd2	Rf3	99	Kd2	Rf3	119	Kd2	Rf3	139	Kd2	Rf3	159	Kd2	Rf3	179	Kd2	Rf3	199	Kd2	Rf3
20	Rb5	Bab	40	a3	Bf1+	60	b5	Rb2	80	Ke2	Kd4	100	Ke2	Kd4	120	Ke2	Kd4	140	Ke2	Kd4	160	Ke2	Kd4	180	Ke2	Kd4	200	Ke2	Kd4
SIGNATURE (WHITE)										SIGNATURE (BLACK)										SIGNATURE (ARBITER)									
Wu Yixuan										Saya										Su									

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G10
Round 9
Date 8/29 FRI
Board 10

WHITE: Wu, Yixuan										FED CHN										RESULT (V) 0									
BLACK: Kikuchi, Saya										FED JPN										RESULT (M) 1									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kd2	Re3	21			41			61			81			101			121			141			161			181		
2	Kd1	Ke3	22			42			62			82			102			122			142			162			182		
3	Kc1	Re1#	23			43			63			83			103			123			143			163			183		
4			24			44			64			84			104			124			144			164			184		
5			25			45			65			85			105			125			145			165			185		
6			26			46			66			86			106			126			146			166			186		
7			27			47			67			87			107			127			147			167			187		
8			28			48			68			88			108			128			148			168			188		
9			29			49			69			89			109			129			149			169			189		
10			30			50			70			90			110			130			150			170			190		
11			31			51			71			91			111			131			151			171			191		
12			32			52			72			92			112			132			152			172			192		
13			33			53			73			93			113			133			153			173			193		
14			34			54			74			94			114			134			154			174			194		
15			35			55			75			95			115			135			155			175			195		
16			36			56			76			96			116			136			156			176			196		
17			37			57			77			97			117			137			157			177			197		
18			38			58			78			98			118			138			158			178			198		
19			39			59			79			99			119			139			159			179			199		
20			40			60			80			100			120			140			160			180			200		
SIGNATURE (WHITE)										SIGNATURE (BLACK)										SIGNATURE (ARBITER)									
Wu Yixuan										Saya										Su									

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group G10
Round 8
Date 8/28 FRI
Board 10

WHITE Wu Yi Xuan						FED CHN		RESULT (V) 0			
BLACK Kikuchi, Saya						FED JPN		RESULT (M) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Re4 ¹⁰⁶	Re4 ¹²⁰	21	Kd1 ¹⁸⁷	Re8 ²¹⁶	41	Kb3 ²⁵³	Bd1 ¹¹⁰⁶	61	Ke3 ²⁰³⁷	Rb3 ¹⁰⁴
2	d4 ¹¹⁰	Nf6 ¹⁰⁸	22	g4 ¹⁴⁴	Bb5 ¹⁷⁵	42	h4 ²⁵³	Rd7 ¹¹⁰⁰	62	Kf4 ²⁰³⁷	Rd8 ¹⁰⁰
3	Nc3 ¹¹⁰	g6 ¹¹³	23	g5 ¹¹²	Kf7 ¹⁵⁰	43	Kf4 ²⁵³	Rh1 ¹¹⁰⁰	63	Ke4 ²⁰³⁷	Ra2 ¹¹⁰⁰
4	Nf3 ¹²¹	Bg7 ¹¹⁴	24	g6 ¹⁸⁷	Ke8 ¹¹¹³	44	Kg5 ²⁵³	Rh3 ¹¹⁰⁰	64	Rxg6 ²⁰³⁷	Ra5 ¹¹⁰⁰
5	Be2 ¹²⁴	O-O ¹¹⁶	25	Le2 ¹⁷⁷	Re7 ¹¹¹	45	Kg6 ²⁵³	Bb5 ¹⁰⁰⁰	65	b6 ²⁰³⁷	Rb7 ¹¹⁰⁰
6	O-O ¹²⁴	e5 ¹²¹	26	Re7 ¹⁵⁷	Kc7 ¹¹¹³	46	Kf4 ²⁵³	Rh4 ¹¹⁰⁰	66	f4 ²⁰³⁷	Bb5 ¹¹⁰⁰
7	Kf3 ¹²⁵	Re8 ¹¹²⁰	27	Bf4 ¹⁵⁷	Kf6 ¹¹¹	47	Ke3 ²⁵³	Ra4 ¹¹⁰⁰	67	Kd4 ²⁰³⁷	Rg6 ¹¹⁰⁰
8	Bd3 ¹²¹	Nc6 ¹¹²⁰	28	Rd4 ¹²¹	Re9 ¹¹¹³	48	Nf4 ²⁵³	a5 ¹¹⁰⁰	68	Ke3 ²⁰³⁷	Kh6 ¹¹⁰⁰
9	Be2 ¹¹⁰	d5 ¹¹⁰	29	Bc3 ¹¹⁷	d5 ¹¹¹²	49	Bc5 ²⁵³	Re4 ¹¹⁰⁰	69	Kf3 ²⁰³⁷	Kc6 ¹¹⁰⁰
10	Re1 ¹²³	de ¹¹⁰	30	Rd7 ¹¹⁷	Re2 ¹¹¹²	50	Bf4 ²⁵³	Kd5 ¹¹⁰⁰	70	Kg4 ²⁰³⁷	Red6 ¹¹⁰⁰
11	Nf9 ¹¹⁰	cd ¹¹⁰	31	Rf7 ¹²¹	Ke6 ¹¹¹	51	Ra7 ²⁵³	Rd4 ¹¹⁰⁰	71	Kf3 ²⁰³⁷	Ke6 ¹¹⁰⁰
12	Nf4 ¹¹⁰	Nc4 ¹¹⁰	32	Rh7 ¹¹¹	Rc2 ¹¹¹²	52	Ra5 ²⁵³	c5 ¹¹⁰⁰	72	Kg4 ²⁰³⁷	Ra9 ¹¹⁰⁰
13	Nc6 ¹¹⁰	bc ¹¹⁰	33	Rc7 ¹¹¹	Rc1 ¹¹¹²	53	g4 ²⁵³	Rd3 ¹¹⁰⁰	73	Kg5 ²⁰³⁷	Bc2 ¹¹⁰⁰
14	Bc4 ¹¹⁰	cd ¹¹⁰	34	Kg2 ¹¹⁰	a6 ¹¹¹	54	Ke2 ²⁵³	Kc6 ¹¹⁰⁰	74	Kg4 ²⁰³⁷	Rb0 ¹¹⁰⁰
15	Rd1 ¹¹⁰	Re4 ¹¹⁰	35	Rg7 ¹¹⁰	Bd3 ¹¹¹	55	Re5 ²⁵³	Kb6 ¹¹⁰⁰	75	Kg3 ²⁰³⁷	Kd5 ¹¹⁰⁰
16	Rd8 ¹¹⁰	Bf4 ¹¹⁰	36	Kf3 ¹¹⁰	Rh1 ¹¹¹	56	a4 ²⁵³	Rb3 ¹¹⁰⁰	76	Ke3 ²⁰³⁷	Kd9 ¹¹⁰⁰
17	Kd1 ¹¹⁰	Bf4 ¹¹⁰	37	Kf3 ¹¹⁰	Bc4 ¹¹⁰	57	a5 ²⁵³	Ka6 ¹¹⁰⁰	77	Kd2 ²⁰³⁷	Oe4 ¹¹⁰⁰
18	Bd4 ¹¹⁰	f6 ¹¹⁰	38	f1 ¹¹⁰	O-O ¹¹⁰	58	Rc6 ²⁵³	Kb7 ¹¹⁰⁰	78	Ke3 ²⁰³⁷	Ke5 ¹¹⁰⁰
19	Re3 ¹¹⁰	Re7 ¹¹⁰	39	Kg2 ¹¹⁰	Ra1 ¹¹⁰	59	Rb6 ²⁵³	Ka7 ¹¹⁰⁰	79	Kd2 ²⁰³⁷	Rb3 ¹¹⁰⁰
20	Rd1 ¹¹⁰	Bc4 ¹¹⁰	40	a2 ¹¹⁰	Bf1 ¹¹⁰	60	b5 ²⁵³	Rb2 ¹¹⁰⁰	80	Kd2 ²⁰³⁷	Kd4 ¹¹⁰⁰
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu Yi Xuan			S. M. M.			Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.28

Group G10
Round 8
Board 11

WHITE Jia, Tianan											
BLACK Zhou, Mutong											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	e6 1:30	21	af3 51'	ah6 5'	41	g20'	ah2 13'	61		
2	d4 1:30	d5 1:30	22	h6 51'	b6 42'	42	ke2 19'	ab2 16'	62		
3	f5 1:27	c5 1:28	23	b6 53'	ru8 37'	43	ke3 14'	ac1b'	63		
4	f3 1:26	h6 1:24	24	kf2 46'	ab 37'	44	rd3 20'	af1 16'	64		
5	nf3 1:23	qbb 1:21	25	ab 46'	re2 42'	45			65		
6	be2 1:16	d 4:20	26	ke3 43'	re2 34'	46			66		
7	d4 1:16	ng8 1:15	27	re3 41'	re2 33'	47			67		
8	nc5 1:11	nf5 1:10	28	ed3 44'	nf3 4538'	48			68		
9	nf4 1:11	ab4 1:07	29	h4 31'	f5 24'	49			69		
10	bd2 1:10	be2 1:09	30	ef 32'	rf6 29'	50			70		
11	ed2 1:10	qk4 51'	31	h5 32'	kg7 28'	51			71		
12	ab4 1:10	nb4 57'	32	h9 30'	h9 27'	52			72		
13	o-o 1:09	nc2 55'	33	nf3 29'	a4 24'	53			73		
14	rad1 1:08	nce3 52'	34	ne5 30'	a3 21'	54			74		
15	fe 1:08	nc3 52'	35	bg6 29'	ra1 17'	55			75		
16	rf2 1:08	nd1 52'	36	bt 28'	kh8 15'	56			76		
17	bd1 1:06	o-o 51'	37	ng6 24'	rg6 14'	57			77		
18	be2 1:04	g6 44'	38	ag6 24'	ke2 13'	58			78		
19	nd2 1:00	bt 47'	39	ke2 23'	ae2 5'	59			79		
20	nc5 59'	ab6 451'	40	rf6 21'	re1 13'	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jm				SIGNATURE (BLACK) ZW				SIGNATURE (ARBITER) Su			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.28

Group G10
Round 8
Board 11

WHITE Jia, Tianan											
BLACK Zhou, Mutong											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	e6 1:30	21	pb 0:37	h6 0:37	41	ke1 0:30	af6 0:17	61		
2	d4 1:10	d5 1:35	22	bb7 0:37	ad3 0:37	42	ke1 0:17	kb2 0:16	62		
3	f5 1:27	c5 1:28	23		ra8 0:37	43	ke3 0:17	dc1 0:16	63		
4	f3 1:26	h6 1:24	24	kf2 0:40	ab6 0:17	44	kd3 0:30	af1 0:16	64		
5	nf3 1:23	qbb 1:21	25	ab 0:40	re2 0:37	45	lc		65		
6	be2 1:16	d 1:20	26	ke3 0:39	re2 0:34	46			66		
7	d4 1:16	ng8 1:15	27	re3 0:41	re2 0:31	47			67		
8	nc5 1:11	nf5 1:10	28	ed3 0:41	af 0:30	48			68		
9	nf4 1:11	ab4 1:07	29	h4 0:31	d5 0:19	49			69		
10	bd2 1:10	be2 1:09	30	ef 0:32	rf6 0:32	50			70		
11	ed2 1:10	qk4 51'	31	ke3 0:37	kg7 0:37	51			71		
12	ab4 1:10	nb4 57'	32	h9 0:30	h9 0:27	52			72		
13	o-o 1:09	nc2 55'	33	nf3 0:30	a4 0:20	53			73		
14	rad1 1:08	nce3 52'	34	ne5 0:30	a3 0:14	54			74		
15	fe 1:08	nc3 52'	35	bg6 0:39	ra1 0:17	55			75		
16	rf2 1:08	nd1 52'	36	bt 0:39	kh8 0:10	56			76		
17	bd1 1:06	o-o 51'	37	ng6 0:39	rg6 0:14	57			77		
18	be2 1:04	g6 44'	38	ag6 0:39	ke2 0:13	58			78		
19	nd2 1:00	bt 47'	39	ke2 0:33	ae2 0:13	59			79		
20	nc5 59'	ab6 451'	40	rf6 0:45	re1 0:17	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Jm				SIGNATURE (BLACK) ZW				SIGNATURE (ARBITER) Su			